TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN R** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2022/ DS-ST
Ngày: 14 - 9 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có* :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Thương.

2. Ông Huỳnh Kim An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khánh Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST- DS, ngày 14 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 7 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 540/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Duy P, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Y, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy ủy quyền ngày 14/9/2020). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Thị Bích X- Trưởng Văn phòng Luật sư A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt).

Bị đơn: Công ty S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn N - Giám đốc (Chủ doanh nghiệp). (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H - Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 492 Phạm Văn Đồng, thị trấn Chợ Chùa, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2021 và bổ sung ngày 08/4/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Võ Duy P và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/6/2017, Công ty S (gọi tắt là Công ty U) do ông Võ Văn N làm Giám đốc có ký Hợp đồng số: 01/2017/HĐMB với nguyên đơn (ông Võ Duy P), cụ thể: Bị đơn bán cho nguyên đơn 8.700 cây keo lai, trên diện tích đất thuộc Trang trại của bị đơn với số tiền 89.000.000đồng *(Tám mươi chín triệu đồng)*, thời hạn là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 25/6/2017). Nguyên đơn đã giao tiền đủ theo thỏa thuận giữa hai bên.

Sau khi nhận chuyển nhượng, nguyên đơn tiến hành chăm sóc và đến ngày 07/5/2019 tổ chức thu hoạch trước sự chứng kiến của bị đơn. Trong quá trình khai thác được khoảng 05 tấn keo thì UBND xã C, huyện R đến lập biên bản ngăn cản với lý do Công ty U chưa trả tiền thuê đất cho UBND xã C. Cùng ngày, Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (gọi tắt là Thi hành án) đến lập biên bản không cho nguyên đơn thu hoạch keo với lý do đây là tài sản của vợ chồng ông N, bà N1 để đảm bảo thi hành án khi ông N, bà N1 là người phải thi hành theo bản án, quyết định của Tòa đã có hiệu lực vào năm 2019.

Bị đơn cam kết trả tiền thuê đất cho UBND xã C, nhưng không có ý kiến hay cam kết gì đối với số tiền nợ phải trả theo yêu cầu của Thi hành án nên dẫn đến việc Thi hành án ra quyết định cưỡng chế, bán đấu giá tài sản là cây keo lai mà nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng của bị đơn. Việc làm của bị đơn đã gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và người liên quan là Thi hành án phải bồi thường cho nguyên đơn 8.700 cây keo, trị giá 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)*.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, ngày 14/7/2022 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Võ Văn N-Giám đốc Công ty U phải

hoàn trả số tiền 54.000.000 đồng theo như kết quả chứng thư thẩm định giá số: 199/2020/CTTĐG-MKT ngày 23/7/2020 của Công ty TNHH tư vấn thẩm định giá và kiểm toán MKT.

Bị đơn vắng mặt không ý kiến.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H - Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện R trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện R không vi phạm phạm quy định của pháp luật về thi hành án dân sự trong quá trình tổ chức thi hành án. Việc nguyên đơn ông Võ Duy P yêu cầu ông Võ Văn N-Giám đốc Công ty U và Chi cục Thi hành án dân sự huyện R phải bồi thường 8.700 cây keo, trị giá 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)* là không có cơ sở. Chi cục không đồng ý liên đới bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Võ Văn N-Giám đốc Công ty U phải bồi thường số tiền 54.000.000 đồng theo như kết quả chứng thư thẩm định giá số: 199/2020/CTTĐG-MKT ngày 23/7/2020 của Công ty TNHH tư vấn thẩm định giá và kiểm toán MKT. Chi cục không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi được phân công thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Ngày 25/6/2017, ông Võ Văn N đại diện Công ty U ký Hợp đồng số 01/2017/HĐMB với ông Võ Duy P, cụ thể: Ông N bán cho ông P 8.700 cây keo lai, nằm trên diện tích đất thuộc trang trại của ông N với số tiền 89.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng (từ ngày 25/6/2017 đến 25/6/2020). Ông P đã giao tiền đủ theo thỏa thuận giữa hai bên. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông P tiến hành chăm sóc và đến ngày 07/5/2019 tổ chức thu hoạch trước sự chứng kiến của ông N thì bị UBND xã C và Chi cục THADS huyện R lập biên bản, đề nghị ngừng khai thác (*BL 14, 145, 146*).

Tuy nhiên, xét về chủ sở hữu cây keo lai trên đất trang trại của Công ty U. Vào ngày 12/4/2017, vợ chồng ông Võ Văn N, bà Lâm Ngọc Ánh N1 và Công ty U lập hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuê tại Văn phòng công chứng K, địa chỉ: Số 245 L, thành phố Quảng Ngãi (*BL số 140-142*). Theo đó, ông N, bà N1 chuyển nhượng cho Công ty U các tài sản gắn liền với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 9, xã C đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 13/02/2017 cho bà Lâm Ngọc Ánh N1, trong các tài sản chuyển nhượng này không có cây keo lai. Tại bản tự khai ngày 28/6/2021 (*BL số 23*) đại diện nguyên đơn trình bày: *Vào ngày 25/6/2017 nguyên đơn mua keo của ông Võ Văn N (Giám đốc CTTNHHMTV U). Thời điểm này số nhiều là cây đã trồng được 3 năm, số còn lại ít đã trồng được 2 năm....* Đến ngày 10/7/2017, Công ty U và UBND tỉnh Quảng Ngãi mới ký hợp đồng thuê đất số 96/HĐTĐ đối với thửa đất số 262. Như vậy, số cây keo này đã được trồng trước thời điểm Công ty U nhận chuyển nhượng tài sản trên đất từ vợ chồng ông N, bà N1. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông Võ Văn N đã góp vốn vào Công ty U bằng tài sản là số lượng keo trồng trên đất. Do đó Công ty U do ông Võ Văn N làm đại diện ký hợp đồng bán cho ông Võ Duy P vào ngày 25/6/2017 không phải là tài sản của Công ty U. Việc ông Võ Văn N đại diện Công ty U ký hợp đồng bán tài sản là số lượng keo cho ông Võ Duy P là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 76 Luật Doanh Nghiệp năm 2014. Hợp đồng mua bán số 01/2017/HĐMB ngày 25/6/2017 giữa Công ty U và ông Võ Duy P bị nhầm lẫn về đối tượng không thực hiện được nên bị vô hiệu theo quy định tại 126, Điều 408, khoản 2 Điều 431 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 21, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Điều 36; khoản 3 Điều 76 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 207 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 126; Điều 131; Điều 166; Điều 408, khoản 2 Điều 431 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc Công ty U có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 54.000.000 đồng.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện R phải liên đới bồi thường.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 22/4/2020 và bổ sung ngày 22/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài

liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng dân sự*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện R thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã triệu tập đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Bị đơn bán cho nguyên đơn 8.700 cây keo lai, nằm trên diện tích đất thuộc Trang trại của bị đơn với số tiền 89.000.000đồng (Tám mươi chín triệu đồng), thời hạn là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 25/6/2017). Nguyên đơn đã giao tiền đủ theo thỏa thuận giữa hai bên.

Sau khi nhận chuyển nhượng, nguyên đơn tiến hành chăm sóc và đến ngày 07/5/2019 tổ chức thu hoạch trước sự chứng kiến của bị đơn; khai thác được khoảng 05 tấn keo thì UBND xã C, huyện R đến lập biên bản ngăn cản với lý do Công ty U chưa trả tiền thuê đất cho UBND xã C. Cùng ngày, Chi cục Thi hành án dân sự huyện R lập biên bản không cho nguyên đơn thu hoạch keo với lý do đây là tài sản của cá nhân vợ chồng ông N, bà N1 để đảm bảo thi hành án.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông Võ Văn N-Giám đốc Công ty U và Chi cục Thi hành án dân sự huyện R phải bồi thường 8.700 cây keo, trị giá 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ việc, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Võ Văn N-Giám đốc Công ty U (Chủ doanh nghiệp) phải hoàn trả số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) theo như kết quả chứng thư thẩm định giá số: 199/2020/CTTĐG-MKT ngày 23/7/2020 của Công ty TNHH tư vấn thẩm định giá và kiểm toán MKT.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm giao kết hợp đồng, nguyên đơn không thể biết cây keo trên đất có phải là tài sản của Công ty U hay không nên có sự nhầm lẫn giữa tài sản của công ty với tài sản của cá nhân; do vậy, hợp đồng số: 01/2017/HĐMB ngày 25/6/2017, giữa Công ty Công ty U do ông Võ Văn N-Giám đốc với nguyên đơn (ông Võ Duy P) bị vô hiệu do nhầm lẫn; việc nguyên đơn yêu cầu ông Võ Văn N-Giám đốc Công ty S (Chủ doanh nghiệp) phải hoàn trả số tiền 54.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 74 Luật Doanh nghiệp năm 2020; các điều 126, 131, 407, 408 Bộ luật dân sự;.

Nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

Nguyên đơn rút yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện R có nghĩa vụ liên đới bồi thường nên đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này phù hợp với Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74 Luật Doanh nghiệp năm 2020; các điều 126, 131, 407, 408 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc Công ty S phải hoàn trả cho ông Võ Duy P số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện R có nghĩa vụ liên đới bồi thường.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty S phải nộp 2.700.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho ông Võ Duy P theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0004743, ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Chí Ngãi